

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1288** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **31** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương
đối với công chức, viên chức và người lao động tại Bộ Nội vụ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ và Nghị định 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nâng bậc lương đối với công chức, viên chức và người lao động tại Bộ Nội vụ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Quyết định này thay thế Quyết định số 64/QĐ-BNV ngày 22/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn

đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TV Đảng ủy Bộ;
- Bộ trưởng;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Đỗ Thanh Bình



QUY CHẾ
NÂNG BẬC LƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI BỘ NỘI VỤ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-BNV, ngày 31/10/2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về Hội đồng nâng bậc lương; điều kiện, tiêu chuẩn; quy trình thực hiện và các nội dung liên quan đến nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ.

Đối với các chế độ chính sách nâng bậc lương khác không quy định trong Quy chế này, thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ (sau đây gọi tắt là các đơn vị thuộc Bộ); các đơn vị trực thuộc Bộ.

2. Những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 3. Nguyên tắc chung xét nâng bậc lương

1. Bảo đảm tính chính xác, công khai, công bằng, dân chủ, khách quan và đúng pháp luật.

2. Nâng bậc lương phải có tác dụng khuyến khích, tạo động lực làm việc cho công chức, viên chức và người lao động; gắn nâng bậc lương với kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm.

3. Thực hiện xét nâng bậc lương đối với công chức, viên chức và người lao động đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hội đồng nâng bậc lương

1. Thành lập Hội đồng nâng bậc lương:

a) Hội đồng nâng bậc lương của Bộ:

Thành lập Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của Bộ, gồm có 07 thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: 01 Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác tiền lương.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

- Các thành viên:

+ Đại diện Lãnh đạo Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ.

+ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phụ trách công tác tiền lương.

+ Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội.

+ Chánh Văn phòng Bộ.

+ Thành viên kiêm Thư ký Hội đồng: 01 công chức Vụ Tổ chức cán bộ được phân công theo dõi công tác tiền lương.

b) Hội đồng nâng bậc lương của Văn phòng Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ:

Hội đồng nâng bậc lương của đơn vị gồm có 05 thành viên do người đứng đầu đơn vị quyết định thành lập, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo đơn vị.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Người đứng đầu bộ phận tổ chức cán bộ.

- Các thành viên:

+ Đại diện cấp ủy cùng cấp.

+ Đại diện 01 lãnh đạo đơn vị cấu thành có liên quan.

+ Thành viên kiêm Thư ký Hội đồng: 01 công chức, viên chức làm tổ chức cán bộ được phân công theo dõi công tác tiền lương.

c) Các Vụ thuộc Bộ và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ không phải thành lập Hội đồng nâng bậc lương. Tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị tổ chức họp, thống nhất và có văn bản đề nghị Lãnh đạo Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) xem xét việc nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nâng bậc lương:

a) Tổng hợp danh sách đề nghị nâng bậc lương.

b) Xem xét, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương.

- c) Thống nhất danh sách công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện nâng bậc lương để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

Chương 2

NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN

Điều 5. Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên

Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên, thời gian được tính hoặc không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương thường xuyên, thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên, việc tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động được thực hiện theo quy định, cụ thể như sau:

1. Điều kiện thời gian giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc lương để xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Đối với chức danh chuyên gia cao cấp: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong bảng lương chuyên gia cao cấp, thì sau 5 năm (đủ 60 tháng) giữ bậc lương trong bảng lương chuyên gia cao cấp được xét nâng một bậc lương.

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động.

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc lương) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của đơn vị.

- Thời gian công chức, viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm:

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

- Thời gian công chức, viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

- Thời gian thử thách đối với công chức, viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

- Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điểm này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

2. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại khoản 1 Điều này và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

3. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên:

Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều này như sau:

a) Kéo dài 12 tháng đối với trường hợp:

Công chức, viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

b) Kéo dài 06 tháng đối với trường hợp:

- Công chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

- Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo.

- Công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 tháng.

c) Kéo dài 03 tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.

d) Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài quy định tại các điểm a, b và c Khoản này.

đ) Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng quy định tại điểm a, b, c Khoản này.

e) Trường hợp công chức, viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài

thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính quy định tại Khoản này.

4. Trường hợp đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là oan, sai sau khi bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, cách chức) thì thời gian này được tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên như sau:

a) Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam do oan, sai được tính lại vào thời gian để xét nâng bậc lương.

b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai.

c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

Điều 6. Trình tự, thủ tục nâng bậc lương thường xuyên

1. Nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, người lao động tại các đơn vị thuộc Bộ (trong danh sách trả lương của cơ quan Bộ) và người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ:

Việc nâng bậc lương thường xuyên được thực hiện hàng tháng và tiến hành theo trình tự như sau:

a) Các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát danh sách công chức, người lao động tại các đơn vị thuộc Bộ (trong danh sách trả lương của cơ quan Bộ) và người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên.

b) Đơn vị tổng hợp danh sách và gửi công văn đề nghị nâng bậc lương thường xuyên về Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 25 của tháng liền kề trước tháng đề nghị xét nâng bậc lương để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định. Nếu quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không có văn bản đề nghị thì coi như đơn vị đó không có nhu cầu xét nâng bậc lương thường xuyên.

c) Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp danh sách đề nghị của các đơn vị, thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định nâng bậc lương theo thẩm quyền.

d) Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, gồm có:

- Công văn đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.
- Danh sách trích ngang của công chức, người lao động (Mẫu số 1).
- Bản photo quyết định nâng bậc lương gần nhất của cá nhân được đề nghị.

2. Nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị trực thuộc Bộ:

Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện việc nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp; đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, thời gian.

3. Việc quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thực hiện theo quy định phân cấp hiện hành.

Chương 3

NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN

Điều 7. Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

Công chức, viên chức và người lao động quy định tại Điều 1 Quy chế này được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Mức lương hiện hưởng chưa xếp vào bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và tính đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên.

2. Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng phải đạt đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên quy định và đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản đối với cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ một trong các hình thức quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 8. Tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 10% tổng số công chức, viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của đơn vị. Danh sách trả lương của đơn vị được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền giao biên chế hoặc phê duyệt số lượng người làm việc tính đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

Điều 9. Cấp độ thành tích tương ứng với thời gian được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

1. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn, gồm:

- a) Huân chương các loại.
- b) Danh hiệu vinh dự Nhà nước.
- c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.
- d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- đ) Bằng khen của Bộ Nội vụ.
- e) Danh hiệu thi đua từ lao động tiên tiến trở lên.

2. Thời gian được xét nâng bậc lương trước thời hạn tương ứng với cấp độ thành tích quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Xét nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng so với thời gian quy định đối với trường hợp đạt được một trong những hình thức sau (xét ưu tiên từ cấp độ thành tích cao nhất tính từ trên xuống):

- Huân chương Sao vàng.
- Huân chương Hồ Chí Minh.
- Huân chương Độc lập các loại.
- Danh hiệu Anh hùng lao động.
- Danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân.
- Huân chương Lao động các hạng.
- Huân chương Chiến công các hạng.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.
- Danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú.
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành.

b) Xét nâng bậc lương trước thời hạn 9 tháng so với thời gian quy định đối với trường hợp đạt được một trong những hình thức sau (xét ưu tiên từ cấp độ thành tích cao nhất tính từ trên xuống):

- Bằng khen của Bộ Nội vụ do được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Hai năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

c) Xét nâng bậc lương trước thời hạn 6 tháng so với thời gian quy định đối với trường hợp có 1 năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

d) Trường hợp đặc biệt khác do Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn và người đứng đầu đơn vị nhất trí đề nghị khi xét thấy cần thiết và chỉ giải quyết trong tỷ lệ số người được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định.

Điều 10. Nguyên tắc xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Việc xem xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn phải đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, động viên khích lệ phong trào thi đua nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của các đơn vị.

2. Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc xét nâng bậc lương trước thời hạn được căn cứ vào thành tích cao nhất đạt được của công chức, viên chức và người lao động; nếu thành tích cao nhất bằng nhau thì xét đến các thành tích khác. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định của cấp có thẩm quyền. Khi đã có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian (6 năm và 4 năm) quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

4. Bảo đảm số người được nâng bậc lương trước thời hạn không vượt quá 10% tổng số người trong danh sách trả lương của đơn vị.

5. Thời điểm tính hưởng mức lương mới do được nâng bậc lương trước thời hạn được tính kể từ ngày công chức, viên chức và người lao động có số tháng giữ bậc lương cũ cộng với số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn bằng số tháng theo quy định để được nâng bậc lương thường xuyên. Trường hợp ngày ký quyết định nâng bậc lương trước thời hạn sau thời điểm được tính hưởng bậc lương mới thì công chức, viên chức và người lao động được truy lĩnh tiền lương và truy nộp bảo hiểm xã hội phần chênh lệch tiền lương tăng thêm giữ bậc lương mới so với bậc lương cũ.

Điều 11. Ưu tiên xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Xét hết nhóm đối tượng có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng mới xét đến nhóm đối tượng có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 9 tháng và cuối cùng là 6 tháng.

2. Trường hợp trong một lần xét nâng bậc lương trước thời hạn, số người đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc nhiều hơn tỷ lệ quy định thì xét ưu tiên theo thứ tự như sau: (1) Người có thành tích khác cao hơn; (2) Người chưa được nâng bậc lương trước thời hạn lần nào; (3) Người có thời gian công tác lâu hơn.

Sau khi đã xét đến các tiêu chí ưu tiên nêu trên mà trường hợp có từ hai người trở lên đạt đủ điều kiện, tiêu chuẩn ngang nhau nhưng không đủ chỉ tiêu để nâng bậc lương trước thời hạn thì Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn tiến hành bỏ phiếu. Người có số phiếu cao hơn được chọn để nâng bậc lương trước thời hạn.

Điều 12. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo nghỉ hưu

1. Công chức, viên chức và người lao động chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có sai phạm phải xử lý bằng các hình thức kỷ luật quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng một bậc lương trước thời hạn 12 tháng so với thời gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV (không tính vào tỷ lệ 10%).

2. Trường hợp công chức, viên chức và người lao động vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu thì được chọn một trong hai chế độ nâng bậc lương trước thời hạn có lợi nhất.

3. Đơn vị có công chức, viên chức và người lao động đến tuổi nghỉ hưu, đã có thông báo nghỉ hưu, tổ chức họp để xem xét, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 13. Quy trình xét nâng bậc lương trước thời hạn**1. Đối với các đơn vị thuộc Bộ:**

a) Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ căn cứ vào Quy chế này thống nhất với cấp uỷ cùng cấp, hàng năm tổ chức bình chọn công chức và người lao động đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có văn bản đề nghị Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của Bộ xem xét trong tỷ lệ 10% tổng số người trong danh sách trả lương của cơ quan Bộ. Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của các đơn vị thuộc Bộ gửi về Vụ Tổ chức cán bộ chậm nhất vào ngày 31/12 hàng năm để tổng hợp trình Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của Bộ xem xét. Nếu quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không có văn bản đề nghị thì coi như đơn vị đó không có nhu cầu xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

b) Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của Bộ căn cứ vào tỷ lệ 10% tổng số người trong danh sách trả lương thuộc phạm vi quản lý, định kỳ hàng năm họp vào quý I của năm sau liền kề để xem xét, bình chọn công chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định.

c) Căn cứ kết luận của Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ dự thảo quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức và người lao động trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Căn cứ Quy chế này, người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ thống nhất với cấp uỷ cùng cấp, hàng năm tổ chức bình chọn công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn thuộc phạm vi quản lý. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu thấy cần thiết thì người đứng đầu đơn vị có văn bản cụ thể hoá Quy chế này cho phù hợp với tình hình thi đua khen thưởng của đơn vị mình, nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ xét nâng bậc lương trước thời hạn quy định tại Điều 8 Quy chế này.

b) Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ vào tỷ lệ 10% tổng số người trong danh sách trả lương thuộc phạm vi quản lý, định kỳ hàng năm họp vào quý I của năm sau liền kề để xem xét, bình chọn công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định.

c) Căn cứ kết luận của Hội đồng nâng bậc lương trước thời hạn của các đơn vị trực thuộc Bộ, người đứng đầu các đơn vị xem xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý trong tỷ lệ 10% tổng số người trong danh sách trả lương của đơn vị.

d) Đối với đối tượng không phân cấp cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ ra quyết định nâng bậc lương (theo Quyết định số 229/QĐ-BNV ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tạm thời về thẩm quyền tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ), đơn vị gửi hồ sơ đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn về Vụ Tổ chức cán bộ chậm nhất vào giữa tháng 1 của năm sau liền kề để tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

đ) Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn, gồm có:

- Công văn đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.
- Danh sách trích ngang (Mẫu số 2 hoặc Mẫu số 3, tùy theo trường hợp xét nâng lương trước thời hạn).
- Biên bản họp của tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị hoặc Biên bản họp Hội đồng nâng bậc lương (đối với đơn vị có Hội đồng).
- Bản photo quyết định thành lập Hội đồng nâng bậc lương của đơn vị (nếu có).
- Bản photo quyết định nâng bậc lương gần nhất của cá nhân được đề nghị.
- Bản sao các quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận thành tích của công chức, viên chức được đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn tính đến thời điểm 31/12 của năm xét.
- Văn bản thông báo của cấp có thẩm quyền về kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động của năm xét đối với công chức, viên chức, người lao động được đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn.
- Thông báo nghỉ hưu của cá nhân được đề nghị.

3. Đối với cán bộ, công chức thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý:

a) Vụ Tổ chức cán bộ căn cứ vào thành tích đạt được và thời gian giữ bậc của cán bộ, công chức để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ xem xét.

b) Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ dự thảo văn bản báo cáo Lãnh đạo Bộ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân, đơn vị

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ phổ biến, quán triệt cho công chức, viên chức và người lao động của đơn vị mình để thực hiện Quy chế này.

2. Người đứng đầu đơn vị chỉ đạo việc thực hiện nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động đúng quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian và quy trình, thủ tục.

3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; định kỳ phối hợp với các đơn vị tổ chức đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy chế và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

4. Các công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm cập nhật thường xuyên thông tin về lương, các khoản phụ cấp (nếu có) của cá nhân vào cơ sở dữ liệu công chức, viên chức của Bộ.

Điều 15. Chế độ báo cáo

Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, các đơn vị có văn bản báo cáo về Bộ Nội vụ (qua Vụ Tổ chức cán bộ):

- Số người thuộc tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc và số dư ra dưới 10 người của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

- Kết quả thực hiện nâng bậc lương đối với công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị (Mẫu số 4).

- Tình hình thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc có nội dung chưa hợp lý cần phải sửa đổi, bổ sung, các đơn vị phản ánh kịp thời về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

Tên đơn vị:.....

Mẫu số 1

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN THÁNG....NĂM...**

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Ngạch/CDNN, bậc lương hiện hưởng				Đề nghị nâng bậc lương thường xuyên				Ghi chú
		Nam	Nữ		Ngạch/ chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số (bao gồm cả phụ cấp TNVK nếu có)	Thời gian hưởng bậc lương	Ngạch/ chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số (bao gồm cả phụ cấp TNVK nếu có)	Thời gian hưởng bậc lương mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Ghi chú: (8), (12) Hệ số (bao gồm cả phụ cấp TNVK nếu có): VD ngạch CV, bậc 9, hệ số 4,98 + 5%,

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

.....ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu số 2

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG
TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM**

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh/chức vụ	Hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua						Ngạch/chức danh nghề nghiệp, bậc lương hiện hưởng					Đề nghị nâng bậc lương TTH				Ghi chú	
		Nam	Nữ		Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Ngạch/ chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng bậc lương lần sau	Số tháng còn thiếu để NBLTX	Bậc	Hệ số	Thời điểm hưởng (TGNB lần sau)	Số tháng được NBLTTH (6,9, 12 tháng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	

Ghi chú: Cột 6, 7, 8, 9, 10, 11 ghi thành tích khen thưởng và danh hiệu thi đua của từng năm.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu số 3

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG

TRƯỚC THỜI HẠN KHI CÓ THÔNG BÁO NGHỈ HƯU NĂM.....

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh/ chức vụ	Ngạch/chức danh nghề nghiệp, bậc lương hiện hưởng					Đề nghị nâng bậc lương TTH			Ghi chú
		Nam	Nữ		Ngạch/ chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng bậc lương lần sau	Số tháng còn thiếu đề NBLTX	Bậc	Hệ số	Thời điểm hưởng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

III	Công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo nghỉ hưu được nâng bậc lương trước thời hạn														

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Đơn vị gửi kèm báo cáo này văn bản nêu những vướng mắc, đề xuất trong việc thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn (nếu có)
2. Cột 7, cột 12 ghi mã số ngạch hoặc chức danh.
3. Cột 17 được tính theo số tháng hưởng chênh lệch giữa bậc lương mới được nâng so với bậc lương cũ trong năm.